

Số: *03*/2018/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày *20* tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Quy định về lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Nghệ An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; số 96/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; số 215/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp; số 130/2017/TT-BTC ngày 04 tháng 12 năm 2017 sửa đổi bổ sung Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;

Xét Tờ trình số 3876/TTr-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh; trên cơ sở báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, miễn, tổ chức thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; cơ sở giáo dục, đào tạo tư thực, dân lập, bán công; cơ sở y tế tư nhân, dân lập; cơ sở văn hóa thông tin.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến tổ chức thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh.

c) Hộ gia đình, cá nhân, nhóm cá nhân đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật

Điều 2. Đối tượng, mức thu lệ phí, tổ chức thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh

1. Mức thu

a) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 100.000đồng/lần cấp.

b) Hợp tác xã; cơ sở giáo dục, đào tạo tư thực, dân lập, bán công; cơ sở y tế tư nhân, dân lập; cơ sở văn hóa thông tin do cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 50.000 đồng/lần cấp.

c) Hộ gia đình, cá nhân, nhóm cá nhân do cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 50.000 đồng/lần cấp.

d) Cấp thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do bị mất, cháy, rách nát hoặc tiêu hủy: 20.000đồng/lần cấp.

đ) Cấp bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận thay đổi hoặc bản trích lục nội dung đăng ký kinh doanh: 2.000đồng/lần cấp.

2. Thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh

a) Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh: Thu lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với liên hợp tác xã, hợp tác xã (áp dụng đối với hợp tác xã là quỹ tín dụng nhân dân) trên địa bàn tỉnh.

b) Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện: Thu lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với hộ gia đình, cá nhân, nhóm cá nhân đăng ký hộ kinh doanh, hợp tác xã (trừ hình thức hợp tác xã tại điểm a, khoản 2 điều này); cơ sở giáo dục, đào tạo tư thực, dân lập, bán công; cơ sở y tế tư nhân, dân lập; cơ sở văn hóa thông tin trên địa bàn huyện, thành phố, thị xã.

c) Tổ chức, cá nhân nộp lệ phí theo từng lần phát sinh cho cơ quan thu lệ phí. Định kỳ hàng tháng, trước ngày 05 tháng sau cơ quan thu lệ phí nộp toàn bộ số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước.

3. Các đối tượng được miễn lệ phí

a) Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng.

b) Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo danh sách xã thuộc ba khu vực vùng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Nghệ An ban hành kèm theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã Khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020”.

c) Thực hiện thủ tục tạm ngừng kinh doanh hoặc chấm dứt kinh doanh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2018.

Bãi bỏ Nghị quyết số 40/2016/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Nghệ An./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư ,
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB) (để b/c);
- TT.Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Sơn